TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 4 – 2020
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa chị L với anh Ch".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 57/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Bờ Dâu, xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quang Ch, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số 25, tổ 01, ấp Bờ Dâu, xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vào khoảng năm 1997 thông qua mai mối, vợ chồng anh chị tiến đến hôn nhân, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do anh Ch không quan tâm đến kinh tế gia đình, không quan tâm đến việc học tập và tương lai của các con,

mọi chi tiêu trong gia đình đều do chị lo. Nhiều lần anh Ch đi làm ăn xa vài tháng mới về một lần, khi về cũng không đưa tiền để lo cho các con và chi tiêu trong gia đình, đời sống chung không hòa hợp nên đã ly thân khoảng 02 năm. Nay tình trạng vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn anh Ch.

Về quan hệ con chung: chị và anh Ch có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 18/6/1999; Nguyễn Trần Phương Trúc, sinh ngày 30/5/2003 và Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 07/01/2012. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi Phương Nghi, không yêu cầu cấp dưỡng; chị đồng ý giao Phương Trúc cho anh Ch nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Linh đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị L về quá trình đi đến hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, tình trạng ly thân. Anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con, không muốn các con sống thiếu tình thương của cha mẹ.

Về quan hệ con chung: Có 03 con chung như chị L trình bày. Nếu yêu cầu ly hôn của chị L được chấp nhận thì anh thống nhất về phương án nuôi con của chị L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Ch. Anh Ch không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị cho chị L ly hôn anh Ch, do anh chị ly thân đã lâu, cho thấy anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 18/6/1999; Nguyễn Trần Phương Trúc, sinh ngày 30/5/2003 và Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 07/01/2012. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nghi cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trúc cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của các đương sự: Biên bản ghi nguyện vọng của con chung; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh của 03 cháu Linh, Trúc, Nghi; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L với anh Ch là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Ch với lý do: anh và chị có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, anh Ch không chăm lo xây dựng cuộc sống gia đình, vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Anh Ch không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ, thương con muốn đoàn tụ gia đình, sửa chữa lỗi lầm, xây dựng lại gia đình hạnh phúc.

Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng đoàn tụ chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh Ch giữ quan điểm không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mối quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung nhưng anh chị đã ly thân hơn 02 năm. Anh, chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị L yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 18/6/1999; Nguyễn Trần Phương Trúc, sinh ngày 30/5/2003 và Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 07/01/2012.

Cháu Nguyễn Ngọc Linh đã trưởng thành và có khả năng lao động, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Trần Phương Trúc, sinh ngày 30/5/2003 và Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 07/01/2012. Anh chị thỏa thuận: Anh Ch trực tiếp

nuôi dưỡng cháu Trúc, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nghi. Đồng thời, cháu Trúc có nguyện vọng sống chung với anh Ch, cháu Nghi có nguyện vọng sống chung với chị L. Xét yêu cầu của chị L, anh Ch và nguyện vọng của các cháu, để tạo điều kiện phát triển về mọi mặt cho các cháu, ổn định tinh thần, sinh sống, học tập của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trúc cho anh Ch được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nghi cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị L, anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết L được ly hôn với anh Nguyễn Quang Ch.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Quang Ch với chị Trần Thị Tuyết L do Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 8 năm 2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Chị L với anh Ch có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 18/6/1999; Nguyễn Trần Phương Trúc, sinh ngày 30/5/2003 và Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 07/01/2012.

2.1. Cháu Nguyễn Ngọc Linh đã trưởng thành và có khả năng lao động, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Giao cháu Nguyễn Trần Phương Trúc, sinh ngày 30/5/2003 cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Trần Phương Nghi, sinh ngày 07/01/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L, anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh, chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006175 ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã TMT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Tuấn **Huỳnh Văn Hùng** **Lê Thị Hồng Thi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về "T/c về ly hôn", giữa:
1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: "tranh chấp về ly hôn": Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình | Huỳnh Công Tấn | Ngô Ngọc Phỉ